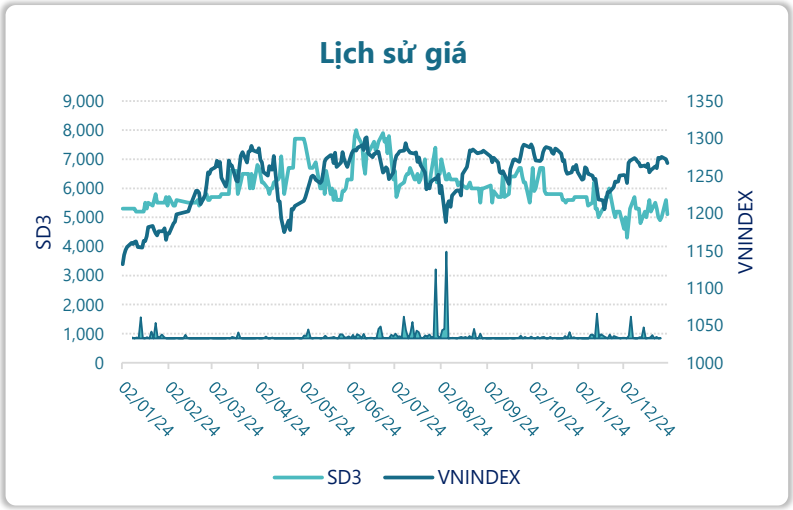
FireAnt

CTCP Sông Đà 3 (UPCOM: SD3)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,300
SL cổ phiếu LH	15,999,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,220
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
P/E	126.4
EPS	40

DT thuần

Q4/24

42.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.4| 258%

YoY: ▲ 9.30| 28.4%

LN sau thuế

Q4/24

34.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.7| 396%

YoY: ▲ 38.0| 1222%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

17.1%

+/- YoY: ▼ 22.4%

DT thuần

2024

126

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.0| -15.4%

LN sau thuế

2024

1.01

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.68| 206%

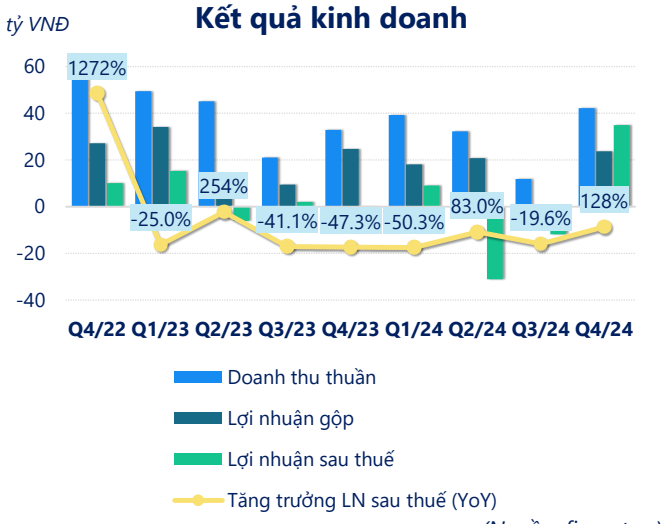
ROE

2024

1.1%

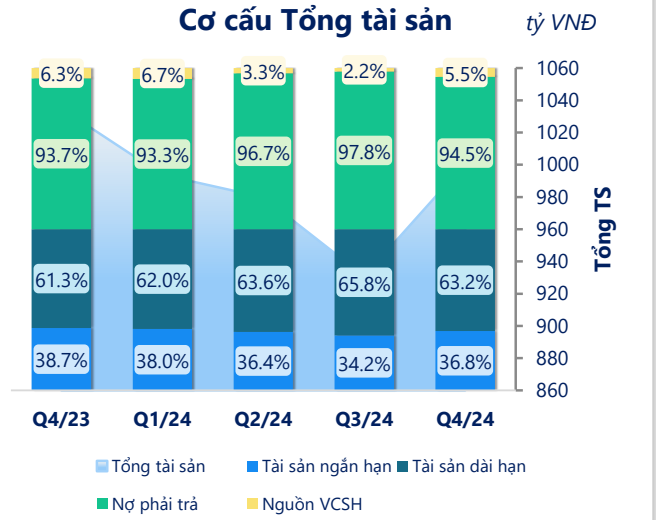
+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh



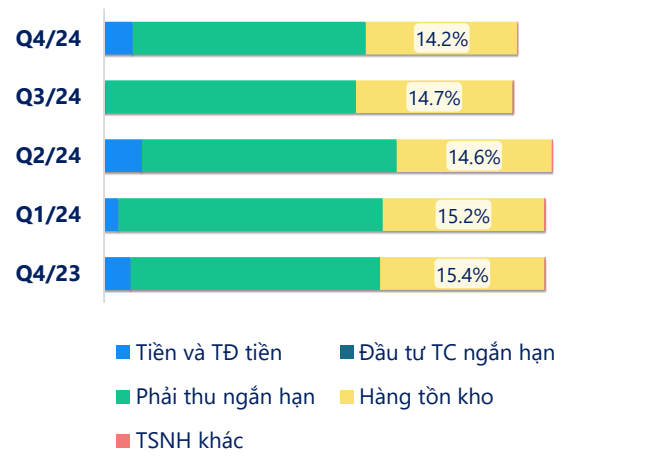
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



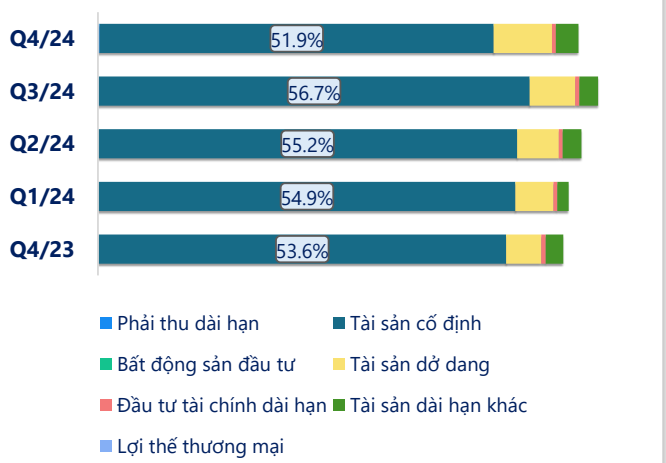
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



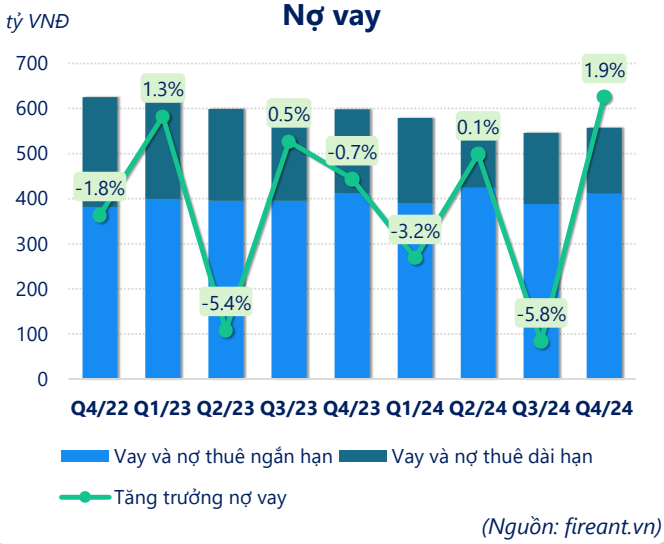
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



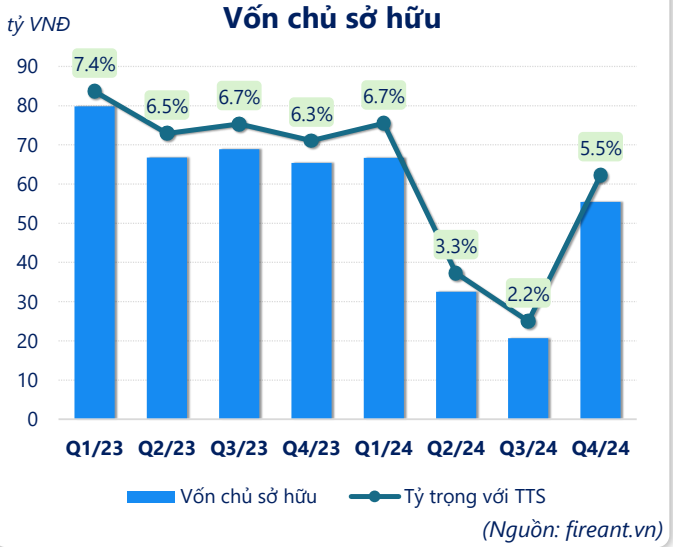
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



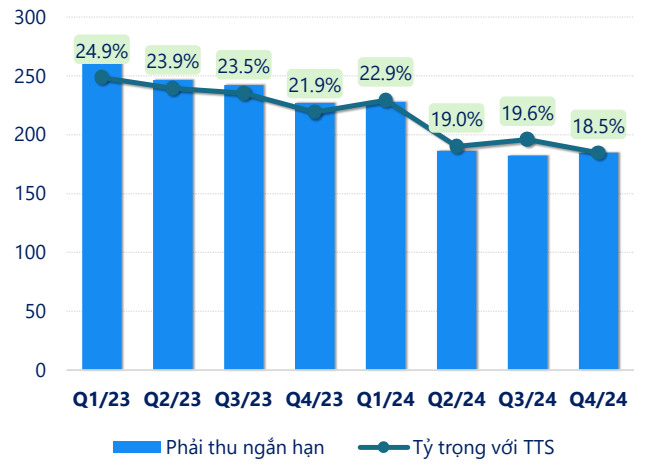
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



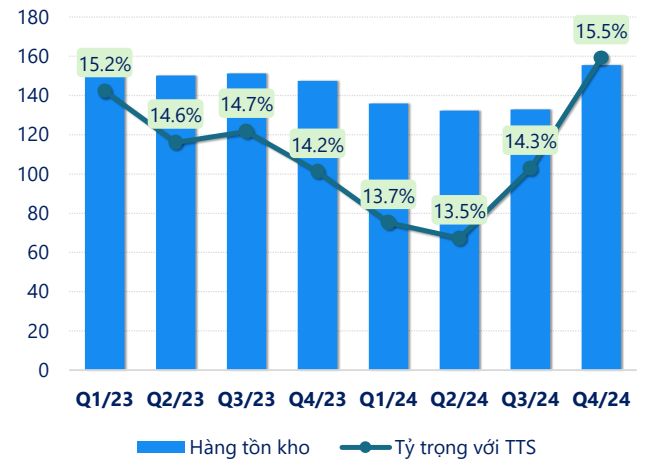
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



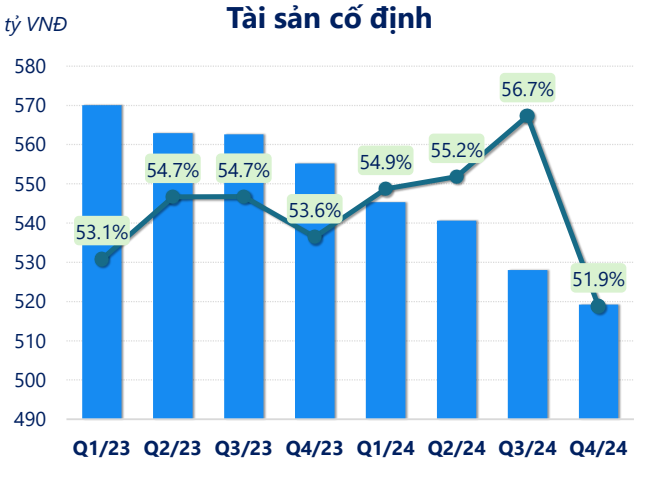
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



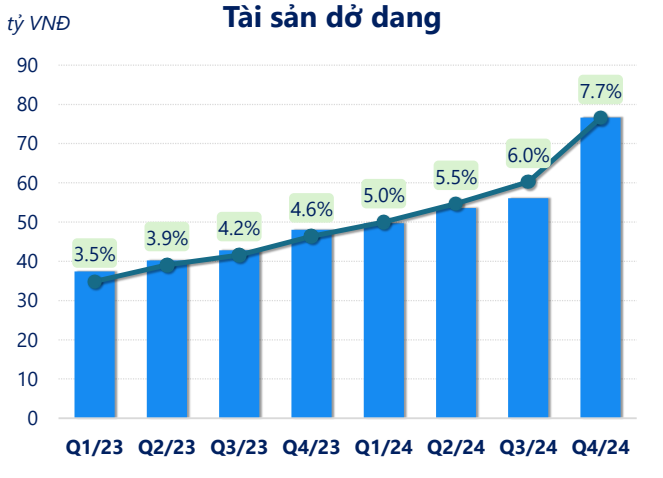
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



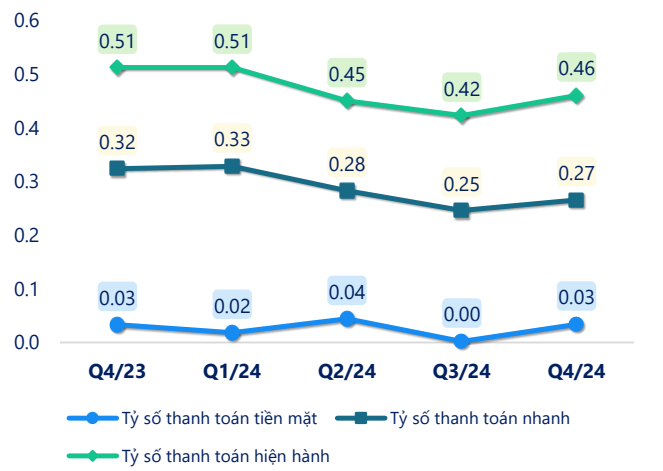
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



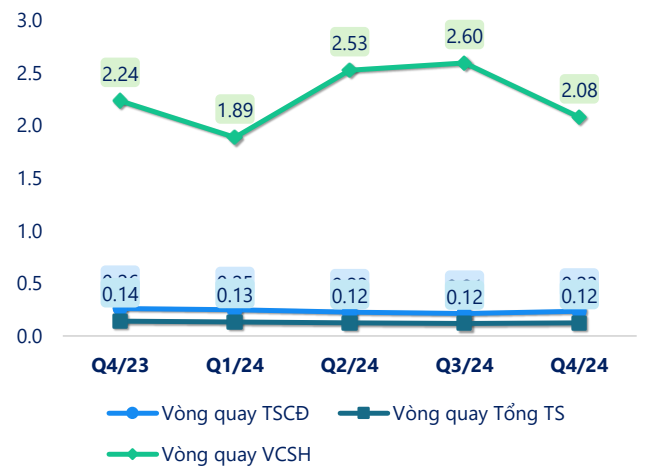
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,035**	**994**	**980**	**931**	**1,001**
Tài sản ngắn hạn	**401**	**378**	**356**	**318**	**368**
Tiền và tương đương tiền	25.9	13.5	35.0	1.49	27.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	227	228	186	182	185
Hàng tồn kho	147	136	132	133	155
Tài sản ngắn hạn khác	0.69	0.79	2.77	1.18	0.58
Tài sản dài hạn	**634**	**616**	**624**	**613**	**633**
Phải thu dài hạn	0.78	0.78	0	0.78	2.25
Tài sản cố định	555	545	541	528	519
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	48.0	49.7	53.6	56.1	76.6
Đầu tư tài chính dài hạn	5.90	5.05	5.01	5.01	4.96
Tài sản dài hạn khác	24.2	14.9	24.3	22.9	29.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**970**	**927**	**947**	**910**	**945**
Nợ ngắn hạn	**783**	**738**	**792**	**752**	**799**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	412	390	425	388	411
Phải trả người bán ngắn hạn	130	112	114	109	120
Nợ dài hạn	186	189	156	158	146
Vay và nợ thuê dài hạn	186	189	155	158	146
Nguồn vốn chủ sở hữu	**65.4**	**66.7**	**32.5**	**20.7**	**55.4**
Vốn chủ sở hữu	**65.4**	**66.7**	**32.5**	**20.7**	**55.4**
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)